| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ M**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2019/HNST

Ngày 26 - 02 - 2019

*V/v Tranh chấp xin ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M – TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Phan Thị Đẹp**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hơn**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M*** tham gia phiên tòa: Ông **Tống Việt Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 777/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2018 về tranh chấp "ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2019, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị Kim X**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, Tiền Giang.

2/ *Bị đơn*: Anh **Trần Chí Ng**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã P, thành phố M, Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo chị Phạm Thị Kim X, chị và anh Trần Chí Ng sống chung vào năm 2013, có đăng ký kết hôn, do tìm hiểu. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Trong quá trình ly thân, anh chị không gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Thu N, sinh ngày 06/3/2014. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh Ng cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Anh Trần Chí Ng vắng mặt dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu: Về tố tụng: thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Về nội dung: Trong quá trình chung sống, giữa chị X và anh Ng có mâu thuẫn kéo dài. Anh Ng vắng mặt tại Tòa án chứng tỏ không có thiện chí hàn gắn với chị X. Xét mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị X ly hôn với anh Ng. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Thu N, sinh ngày 06/3/2014. Chị X yêu cầu trực tiếp nuôi con. Xét cháu N là bé gái, sau khi cha mẹ ly thân, cháu N do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu cho mẹ nuôi dưỡng nhằm ổn định cuộc sống cho cháu. Về mức cấp dưỡng: chị X yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là cao so với mức lương tối thiểu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Về tài sản chung, không có và nợ chung, không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị Kim X yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Chí Ng. Tranh chấp được xác định là "Ly hôn", theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Chí Ng vắng mặt không lý do dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng anh Ng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Phạm Thị Kim X và anh Trần Chí Ng sống chung năm 2013, có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị X yêu cầu được ly hôn nhưng anh Ng không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, chị X và anh Ng sống ly thân kéo dài. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị T được quyền ly hôn với anh Ng.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Thu N, sinh ngày 06/3/2014. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh Ng cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, cháu N là bé gái, sau khi chị X và anh Ng ly thân, cháu N do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị X trực tiếp nuôi con nên anh Ng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều

83 Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng chị X yêu cầu 2.000.000 đồng/tháng là cao so với thu nhập của anh Ng, một bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị X, buộc anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ: các bên không thỏa thuận nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, buộc anh Ng trả lãi suất chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 nếu anh Ng chậm thực hiện nghĩa vụ.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị X xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Kim X.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Kim X được quyền ly hôn với anh Trần Chí Ng.

2/ Về con chung: Chị X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thu N, sinh ngày 06/3/2014. Anh Ng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về tài sản chung: không có.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí: Chị X phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0013404 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên chị đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với anh Ng tính từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ánh Phương**

**Nôi nhaän:**
- TAND Tỉnh TG.
- VKSND thành phố M.
- Chi cục THA DS.
- Đương sự.
- UBND xã Đ, huyện T.
- Lưu.